

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 104/2023/HS-PT
Ngày: 22-12-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo **Hồ Quốc V** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023/HS-ST ngày 22-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Bị cáo có kháng cáo: **Hồ Quốc V (P1)**, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số A ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Hồ Văn T** và bà **Nguyễn Thị L**; vợ: **Quảng Thị Huệ L1**; con: có một người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Thanh H** – Luật sư Chi nhánh **Văn phòng L3** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh B**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 00 phút, ngày 17/12/2022 sau khi đã uống rượu, **Võ Văn C** và **Nguyễn Hoài L2** đến quán cà phê **Diễm M** tại **khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre** do **Phạm Thị Trúc H1** làm chủ để uống cà phê thì **C** phát hiện mất điện thoại di động, **C** cho rằng **Huỳnh Thị Cẩm T1** (tên thường gọi là **H2**) là người làm thuê cho **H1** lấy trộm nên xảy ra mâu thuẫn cự cãi qua lại. Lúc này, **Hồ Quốc V** (bạn của **H1**)

đang ngủ bên trong quán, nghe cữ cãi lớn tiếng nên thức dậy đi ra phía trước quán, V yêu cầu C đọc số điện thoại cho T1 để T1 gọi điện vào số máy điện thoại của C. Sau đó, T1 điện thoại vào số máy điện thoại của C nhưng không nghe chuông điện thoại reo. C dùng chân đạp đổ bàn và ghế trong quán, thấy vậy V dùng tay cặp cổ kéo C ra khỏi quán đến trước cửa quán thì C dùng nón bảo hiểm đánh vào người V làm V ngã xuống đất, V liền lấy con dao trên bàn đá trước cửa quán C1 chém nhiều cái theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng đầu, vùng mặt và tay của C. C bị V chém vào tay làm rớt nón bảo hiểm đang cầm thì C bỏ chạy ra Quốc lộ E (hướng về chợ B thuộc xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre), V cầm dao theo phía sau, chạy được khoảng 40m thì C bị té xuống mặt đường, V đuổi theo kịp và dùng dao chém nhiều cái vào người của C gây thương tích. C được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Bến Tre sau đó chuyển đến Bệnh viện N, tỉnh Bến Tre để điều trị thương tích. Sau khi gây án, V vứt bỏ con dao nên không thu hồi được.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 1680/CNN – TTYT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm Y tế huyện T, tỉnh Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Võ Văn C như sau: vết thương bàn tay trái dài khoảng 05cm, sâu khoảng 0,5cm bờ gọn; vết thương thái dương trái dài khoảng 05cm, sâu khoảng 0,5cm bờ gọn; vết thương vùng cằm trái dài khoảng 04cm, sâu khoảng 0,5cm; vết thương mi mắt trái dài khoảng 02cm, sâu khoảng 0,5cm bờ gọn; vết thương mi mắt trái dài khoảng 02cm, sâu khoảng 0,5cm bờ gọn; ngón IV bàn tay trái không duỗi được.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 000041/2023/CN ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Bệnh viện N, tỉnh Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Võ Văn C như sau: vết thương bàn tay trái dài # 10x05cm, bờ sắc gọn, kéo dài từ phía lưng đến khớp liên đốt gần ngón 4, đứt gân duỗi, gãy trật hờ khớp bàn ngón 4, chảy máu tụ máu bầm; X-quang: gãy trật khớp bàn ngón 4.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 000161/2023/CN ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Bệnh viện N, tỉnh Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Võ Văn C như sau: vết thương thái dương trái # 05cm đã khô; vết thương vùng đỉnh đầu # 05cm và 07cm đã khô; vết thương cung mày mi trên mắt trái # 07cm đã khô.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 43-23/TgT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B, kết luận Võ Văn C có các thương tích như sau: Sẹo thái dương trái, kích thước nhỏ; hai sẹo vết thương vùng đỉnh đầu, kích thước nhỏ; sẹo vết thương cung mày mi trên trái, kích thước nhỏ; sẹo vết thương bàn tay trái, kích thước trung bình; cứng khớp liên đốt 1,2 ngón 4 tay trái; gãy chỏm xương bàn 4 tay trái; gãy nền đốt gần ngón 4 tay trái. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của Võ Văn C là 15%. Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra.

Mặc dù, vật chứng là hung khí mà **Hồ Quốc V** gây án không thu hồi được, nhưng căn cứ vào lời khai nhận của **Hồ Quốc V**, người làm chứng, kết quả nhận dạng vật cùng loại và kết quả giám định cơ chế hình thành thương tích, có cơ sở xác định hung khí mà **V** gây án là một con dao có đặc điểm: tổng chiều dài 29cm; lưỡi dao màu trắng, sáng có chiều dài 16cm; rộng 4,5cm; một lưỡi sắc; mũi dao không nhọn; cán dao bằng gỗ có chiều dài 13cm, nơi rộng nhất 03cm, cán dao được kết nối vào lưỡi dao.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại **Võ Văn C** yêu cầu bị cáo **Hồ Quốc V** phải bồi thường tổng số tiền là 30.000.000 đồng, gồm: tiền điều trị thương tích 8.000.000 đồng, tiền công lao động do mất thu nhập 22.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và đã giao đủ tiền bồi thường cho bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023/HS-ST ngày 22-9-2023 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 2310/2023/TB-TA ngày 29/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Hồ Quốc V** phạm “Tội cố ý gây thương tích”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Hồ Quốc V** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 05/10/2023, bị cáo **Hồ Quốc V** kháng cáo yêu cầu không áp dụng tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, người bị hại cũng có lỗi, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo là lao động chính trong gia đình, người phụ thuộc kinh tế gồm cha, mẹ và một con nhỏ, bị cáo xuất phát từ lòng tốt ban đầu là can ngăn, giúp đỡ và ngăn cản hành vi phá hoại tài sản của bị hại. Bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Hồ Quốc V** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận thương tích của anh **C** là do bị cáo gây ra, bị cáo xác định do anh **C** dùng nón bảo hiểm đánh làm bị cáo té, tiếp theo bị cáo lấy dao chém và đuổi theo chém bị hại và cho rằng thực nghiệm điều tra là đúng với tình tiết vụ án.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Hồ Quốc V** phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã

xem xét tình tiết giảm nhẹ và tính chất, mức độ phạm tội để áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp tình tiết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm lại không áp dụng cho bị cáo, tại phiên tòa bị cáo cung cấp hoàn cảnh còn cha mẹ lớn tuổi, có bệnh. Bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên mức hình phạt 02 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên không phù hợp áp dụng án treo. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Hồ Quốc V** 02 (hai) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không tranh luận:

Người bào chữa cho bị cáo, cho rằng đồng tình với tội danh “Cố ý gây thương tích” và dùng dao là hung khí nguy hiểm. Bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh bị cáo khó khăn, bị cáo làm thuê, cha mẹ già và con nhỏ. Đối với tình tiết có tính chất côn đồ thì hồ sơ thể hiện có hai nhóm lời khai khác nhau. Nhóm lời khai **T1**, **L2**, **C** cho rằng **C** bỏ chạy, **C** té, **V** chém; Nhóm bị cáo và chị **H1** thì **V** kẻ **C** ra khỏi quán, **V** lập tức lấy dao chém **C** từ trên xuống. Lời khai của chị **T1** phù hợp vết thương của bị hại, như vậy **V** chém **C** một thời điểm hay hai thời điểm, còn lời khai của **C** xác định có lúc té **V** chém **C**. Đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có ý can ngăn đến khi bị hại dùng nón bảo hiểm đánh bị cáo, nên bị cáo bức tức thực hiện hành vi, hành vi của bị hại là trái pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của bị cáo sai trái pháp luật, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc cha mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 17 tháng 12 năm 2022, tại **khu phố C, thị**

trần T, huyện T, tỉnh Bến Tre, Võ Văn C sau khi có uống rượu, bia đã xảy ra mâu thuẫn với Huỳnh Thị Cẩm T1 vì C cho rằng Huỳnh Thị Cẩm T1 lấy điện thoại của C, để giải quyết mâu thuẫn Hồ Quốc V can ngăn dẫn đến V và C có tác động nhau, tiếp theo V dùng dao là hung khí nguy hiểm, chém nhiều cái vào đầu, mặt, tay của Võ Văn C gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích là 15%.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội không mang tính chất côn đồ, thấy rằng: Bị cáo và bị hại Võ Văn C không có quen biết và mâu thuẫn trước đó, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ giữa C và Huỳnh Thị Cẩm T1 vì C cho rằng T1 lấy điện thoại của C, để giải quyết mâu thuẫn bị cáo đã dùng tay cặp cổ kéo bị hại ra trước cửa quán, bị cáo cho rằng do bị hại gây sự và đánh bị cáo trước nhưng bị hại chỉ cầm nón bảo hiểm đánh bị cáo không có gây thương tích. Hành vi của bị cáo chỉ vì một sự việc nhỏ nhặt, nhưng bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm chém liên tiếp vào người của bị hại gây thương tích, thấy bị hại bỏ chạy nhưng bị cáo vẫn đuổi theo và tiếp tục chém vào người bị hại gây thương tích cho đến khi bà Nguyễn Thị Hồng H3 phát hiện và nói “bỏ đi” thì bị cáo mới dừng lại, tình tiết này phù hợp với lời khai của chị Huỳnh Thị Cẩm T1: Tại bút lục 141 và 137, có nội dung: “... người thanh niên cao cường quyết nói tôi lấy điện thoại và xảy ra cự cãi với H1, xông đến đòi đánh H1, P (V) ngủ ở vồng nhà kế bên đi qua và kè (cặp cổ) người thanh niên cao đi ra ngoài tới cửa, tôi thấy người thanh niên cao và V té ngã, sau đó V lấy dao trên ghế đá ở trước quán, người thanh niên bỏ chạy thì V đuổi theo, tôi từ trong quán đi ra thì thấy V cầm dao chém người thanh niên cao ở trước cửa trại cưa, tôi nghe tiếng la “Thôi bỏ đi” không biết là ai nên V đi trở lại quán,..”, phù hợp với thực nghiệm điều tra bị cáo cho rằng là đúng với diễn biến vụ án. Điều đó thể hiện tính cách xem thường sức khỏe của người khác, nên hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính cách côn đồ.

Với ý thức, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Hồ Quốc V phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “Dùng hung khí nguy hiểm”, “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đầu thú theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo kháng cáo yêu cầu áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị hại cũng có lỗi, bị cáo phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình, bị cáo xuất phát từ lòng tốt ban đầu là

cản ngăn giúp đỡ và ngăn cản hành vi phá hoại tài sản của bị hại. Thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã khai báo (đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội mà mình) hành vi đã thực hiện phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án (lời khai của bị hại người làm chứng và các chứng cứ khác) được xem là thành khẩn khai báo và thể hiện ăn năn hối cải nên đã thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho bị hại và xin lỗi bị hại (do hành vi của mình gây ra, thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo chỉ không thừa nhận tình tiết “Có tính chất côn đồ”), bị hại có dùng nón bảo hiểm chống trả lại bị cáo và tại Biên bản thỏa thuận việc bồi thường bị hại thừa nhận có một phần lỗi trước (BL 171, 172) nên được xem là bị hại cũng có một phần lỗi nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có cha sinh năm 1945 và mẹ sinh năm 1948 là người già và có con nhỏ. Đối với tình tiết phạm tội lần đầu, do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nên tình tiết phạm tội lần đầu không phù hợp để áp dụng.

Vì vậy, bị cáo yêu cầu các tình tiết giảm nhẹ được chấp nhận là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn (theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Xét bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới thuộc điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thấy rằng bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có đủ cơ sở áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo.

Xét yêu cầu hưởng án treo, thấy rằng hành vi của bị cáo phạm vào trường hợp nghiêm trọng, bị hại cho rằng có lỗi tuy nhiên hành vi của bị cáo thực hiện phần nào thể hiện tính cách côn đồ và nguy hiểm cho xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Nên không chấp nhận yêu cầu hưởng án treo của bị cáo.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên về hình phạt đối với bị cáo không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Quan điểm của người bào chữa về hình phạt đối với bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hồ Quốc V, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm số 52/2023/HS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, giảm hình phạt tù cho bị cáo.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hồ Quốc V** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo **Hồ Quốc V** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú (3b);
- Công an và VKSND huyện Thạnh Phú (2b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- UBND xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tĩnh